

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/KDTM-ST

Ngày: 09/8/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Ông Vũ Huy Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:**
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 376/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng V**

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: **Công ty B**

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông T có mặt; Bị đơn Công ty B, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2022, lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng V (sau đây gọi là VPBank) có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là “VPBank”) và Công ty B (sau đây gọi tắt là “Công ty B”) đã ký kết các Hợp đồng cho tín dụng sau đây:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020; hạn mức cho vay là: 2.900.000.000 đồng (hai tỷ, chín trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh sản xuất, lắp đặt hàng trang trí nội thất.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021; hạn mức cho vay là: 2.900.000.000 đồng (hai tỷ, chín trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất và lắp đặt các sản phẩm nội thất từ gỗ.

Thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020, VPBank đã giải ngân cho Công ty B từng lần cụ thể như sau:

- Ngày 19/11/2020, giải ngân số tiền 397.753.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 07 số LTK/20065-7 ngày 19/11/2020; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,4%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 10,6%/năm) + lãi suất bán vốn

- Ngày 22/12/2020, giải ngân số tiền 439.280.000 đồng (bốn trăm ba mươi chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 08 số LTK/20065-8 ngày 22/12/2020; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 18,4%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 11,6%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 11/01/2021, giải ngân số tiền 424.050.000 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 09 số LTK/20065-9 ngày 11/01/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 18,4%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 11,6%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 29/01/2021, giải ngân số tiền 440.550.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 10 số LTK/20065-10 ngày 29/01/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01

tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 10,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 12/3/2021, giải ngân số tiền 425.425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 11 số LTK/20065-11 ngày 12/3/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 10,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 07/4/2021, giải ngân số tiền 486.200.000 đồng (bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 12 số LTK/20065-12 ngày 07/4/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 10,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 07/5/2021, giải ngân số tiền 460.130.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 13 số LTK/20065-13 ngày 07/5/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 16,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 10/6/2021, giải ngân số tiền 463.980.000 đồng (bốn trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 14 số LTK/20065-14 ngày 10/6/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 16,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

Thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021, VPBank đã giải ngân cho Công ty B từng lần cụ thể như sau:

- Ngày 05/8/2021, giải ngân số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 01 số SGN/21053-01 ngày 05/8/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 15,9%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,1%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 13/10/2021, giải ngân số tiền 762.465.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 02 số SGN/21053-02 ngày 13/10/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 15,9%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,1%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 10/11/2021, giải ngân số tiền 107.800.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 03 số SGN/21053-03 ngày 10/11/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 16,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 14/12/2021, giải ngân số tiền 179.520.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 04 số SGN/21053-04 ngày 14/12/2021; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 16,7%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

- Ngày 13/5/2022, giải ngân số tiền 523.050.000 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 05 số SGN/21053-05 ngày 13/5/2022; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,1%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của VPBank, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 9,9%/năm) + lãi suất bán vốn.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ đính kèm được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thanh M thông qua Hợp đồng bảo lãnh số LTK/200065/HDBL ngày 07/7/2020 được ký kết giữa VPBank và ông Nguyễn Thanh M.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ đính kèm được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thanh M thông qua Hợp đồng bảo lãnh số SGN/21053/HDBL.01 ngày 05/8/2021 được ký kết giữa VPBank và ông Nguyễn Thanh M.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty B đã thanh toán cho VPBank cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên: Công ty B đã thanh toán được 2.861.235.664 đồng (hai tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng) bao gồm: 2.453.127.500 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền nợ gốc và 408.108.164 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu, một trăm lẻ tám nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng) tiền lãi. Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/6/2022 đối với các Khế ước nhận nợ số 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; riêng Khế ước nhận nợ lần 7 bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 19/5/2022, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5: Công ty B đã thanh toán được 1.145.027.065 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng) bao gồm: 1.007.800.000 đồng (một tỷ, không trăm lẻ bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền nợ gốc; 137.227.065 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng) tiền lãi. Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/6/2022 đối với các Khế ước nhận nợ lần 1, 3, 4, 5, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; riêng Khế ước nhận nợ lần 2 bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 16/5/2022, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến hết ngày 23/02/2024, Công ty B còn nợ VPBank số tiền sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14: nợ gốc là 1.084.240.500 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, năm trăm đồng); nợ lãi trong hạn là 12.000.813 đồng (mười hai triệu, tám trăm mười ba đồng); nợ lãi quá hạn là 513.310.729 đồng (năm trăm mười ba triệu, ba trăm mười nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng); nợ lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.064.797 đồng (hai triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng); tổng cộng là 1.611.616.839 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng).

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5: nợ gốc là 1.215.035.000 đồng (một tỷ, hai trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là 10.565.499 đồng (mười triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 559.721.968 đồng (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 1.834.967 đồng (một triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng là 1.787.157.433 đồng (một tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

Việc Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với VPBank đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VPBank.

Vì vậy, Ngân hàng kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết, buộc:

1. Công ty B phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/02/2024 là: 3.398.774.272 đồng (ba tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng), bao gồm:

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 : nợ gốc là 1.084.240.500 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, năm trăm đồng); nợ lãi

trong hạn là 12.000.813 đồng (mười hai triệu, tám trăm mười ba đồng); nợ lãi quá hạn là 513.310.729 đồng (năm trăm mười ba triệu, ba trăm mười nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng); nợ lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.064.797 đồng (hai triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng); tổng cộng là 1.611.616.839 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng).

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5: nợ gốc là 1.215.035.000 đồng (một tỷ, hai trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là 10.565.499 đồng (mười triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 559.721.968 đồng (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 1.834.967 đồng (một triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng là 1.787.157.433 đồng (một tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

2. Đồng thời, Công ty B vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

3. Trường hợp Công ty B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của VPBank thì ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số LTK/200065/HDBL ngày 07/7/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/21053/HDBL.01 ngày 05/8/2021 đã ký kết.

Bị đơn Công ty B (có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng V có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Buộc Công ty B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 09/8/2024 là: 3.689.202.828 đồng (ba tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng), bao gồm:

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên: nợ gốc là 1.084.240.500 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, năm trăm đồng); nợ lãi trong hạn là 12.000.814 đồng (mười hai triệu, tám trăm mười ba đồng); nợ lãi quá hạn là 651.857.070 đồng (sáu trăm năm mươi một triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi đồng); nợ lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.617.164 đồng (hai triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng); tổng cộng là

1.750.715.548 đồng (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên: nợ gốc là 1.215.035.000 đồng (một tỷ, hai trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là 10.565.499 đồng (mười triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 710.565.512 đồng (bảy trăm mười triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm mười hai đồng); lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.321.269 đồng (hai triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi chín đồng). Tổng cộng là 1.938.487.280 đồng (một tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

Công ty B vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của Ngân hàng Vthì ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số LTK/200065/HDBL ngày 07/7/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/21053/HDBL.01 ngày 05/8/2021 đã ký kết.

Bị đơn Công ty B (có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh M) đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm :

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn VPBank là có cơ sở. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Vkhởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty B thanh toán tiền vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 với mục đích vay là Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh sản xuất, lắp đặt hàng trang trí nội thất. Do đó, đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn Công ty B có trụ sở tại: F1/12F, ấp 6A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn Công ty B (có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh M) đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty B và ông Nguyễn Thanh M.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ triệu tập bị đơn Công ty B (có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng các đương sự này vẫn không có mặt, cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ Công ty B (có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M không có thiện chí trả nợ cho VPBank, đồng thời cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì Công ty B (có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

- Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 được ký kết giữa hai bên thể hiện nguyên đơn Ngân hàng V đã cho bị đơn Công ty B vay số tiền 2.900.000.000 đồng, 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh sản xuất, lắp đặt hàng trang trí nội thất. lãi suất được; lãi suất được tính theo lãi suất tại thời điểm giải ngân. Thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B qua các lần cụ thể như sau:

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 07 số LTK/20065-7 ngày 19/11/2020 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 397.753.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 08 số LTK/20065-8 ngày 22/12/2020 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 439.280.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 09 số LTK/20065-9 ngày 11/01/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 424.050.000 đồng.

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 10 số LTK/20065-10 ngày 29/01/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 440.550.000 đồng.

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 11 số LTK/20065-11 ngày 12/3/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 425.425.000 đồng.

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 12 số LTK/20065-12 ngày 07/4/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 486.200.000 đồng.

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 13 số LTK/20065-13 ngày 07/5/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 460.130.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 14 số LTK/20065-14 ngày 10/6/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 463.980.000 đồng

- Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 được ký kết giữa hai bên thể hiện nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 2.900.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh sản xuất, lắp đặt hàng trang trí nội thất. lãi suất được; lãi suất được tính theo lãi suất tại thời điểm giải ngân. Thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B qua các lần cụ thể như sau:

+ Căn cứ Khế ước nhận nợ lần 01 số SGN/21053-01 ngày 05/8/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 02 số SGN/21053-02 ngày 13/10/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 762.465.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 03 số SGN/21053-03 ngày 10/11/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 107.800.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 04 số SGN/21053-04 ngày 14/12/2021 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 179.520.000 đồng

+ Căn cứ vào Khế ước nhận nợ lần 05 số SGN/21053-05 ngày 13/5/2022 thì Công ty B xác nhận đã nhận nợ của nguyên đơn số tiền 523.050.000 đồng.

- Căn cứ vào lịch trả nợ và lời khai của nguyên đơn thể hiện đến thời điểm hiện nay bị đơn đã thanh toán được 2.453.127.500 đồng tiền nợ gốc đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên; đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên: Công ty B đã thanh toán được 1.007.800.000 đồng tiền nợ gốc.

Như vậy bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc tổng cộng là: 2.299.275.500 đồng, bao gồm: Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 số tiền nợ gốc là nợ gốc là 1.084.240.500 đồng; đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên: nợ gốc là 1.215.035.000 đồng

- Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3.1 Điều 3; điểm b khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và điểm a khoản 1 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 được ký kết giữa hai bên thể hiện bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước hạn.

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân 2015 sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng; 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.”

Căn cứ vào các quy định trên của hợp đồng cho vay được ký kết giữa hai bên và của pháp luật có cơ sở xác định Công ty B đã vi phạm thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ gốc là 2.299.275.500 đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 số tiền nợ gốc là nợ gốc là 1.084.240.500 đồng; đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên: nợ gốc là 1.215.035.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

[4.2.1] Về yêu cầu trả lãi trong hạn:

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên thì VPBank chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/6/2022 đối với các Khế ước nhận nợ số 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, Khế ước nhận nợ lần 7 bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 19/5/2022. Công ty B đã thanh toán cho VPBank số tiền lãi trong hạn với tổng số tiền là 408.108.164 đồng. Vì vậy, VPBank yêu cầu Công ty B thanh toán tiếp số tiền lãi trong hạn còn nợ là 12.000.814 đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên thì VPBank chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/6/2022 đối với các Khế ước nhận nợ số 1, 3, 4, 5, Khế ước nhận nợ lần 2 bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 16/5/2022. Công ty B đã thanh toán cho VPBank số tiền lãi trong hạn với tổng số tiền là 134.870.314 đồng. Vì vậy, VPBank yêu cầu Công ty B thanh toán tiếp số tiền lãi trong hạn còn nợ là 10.565.499 đồng

Căn cứ vào điểm 2.1, 2.2 khoản 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021, Khế ước nhận nợ lần 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14 và khoản 1, 2 Điều 3 của Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020, Khế ước nhận nợ lần 01, 02, 03, 04, 05.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng là hoàn toàn phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trong hạn còn nợ Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 là 12.000.814 đồng và Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053

ngày 05/8/2021 là 10.565.499 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Về yêu cầu trả lãi quá hạn:

Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng V yêu cầu Công ty B trả tiền lãi quá hạn từ ngày chuyển nợ quá hạn của các hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ trên đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền: 1.362.422.582 đồng:

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 với số tiền lãi quá hạn là 651.857.070 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 thì lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận là: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Thời điểm chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của Công ty B được xác định cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ lần 07 số LTK/20065-7 ngày 19/11/2020 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 19/5/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 17,8%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 17,8\% \times = 26,7\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 19/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 13.352.156 đồng.

Khế ước nhận nợ lần 08 số LTK/20065-8 ngày 22/12/2020 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 18,8%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 18,8\% \times = 28,2\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 41.054.379 đồng.

Khế ước nhận nợ lần 09 số LTK/20065-9 ngày 11/01/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 18,8%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 18,8\% \times = 28,2\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 46.147.446 đồng.

Khế ước nhận nợ lần 10 số LTK/20065-10 ngày 29/01/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 18,1%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 18,1\% \times = 27,15\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 51.352.239 đồng

Khế ước nhận nợ lần 11 số LTK/20065-11 ngày 12/3/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 18,30%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 18,30\% \times = 27,45\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 75.582.983 đồng

Khế ước nhận nợ lần 12 số LTK/20065-12 ngày 07/4/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 18,30%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 18,30\% \times = 27,45\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 120.982.570 đồng

Khế ước nhận nợ lần 13 số LTK/20065-13 ngày 07/5/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 17,80%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 17,80\% \times = 26,70\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 133.205.685 đồng

Khế ước nhận nợ lần 14 số LTK/20065-14 ngày 10/6/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 19,40%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 19,40\% \times = 29,10\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 168.123.471 đồng

Như vậy, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Công ty B còn nợ VpBank số tiền nợ quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 651.857.070 đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5, Công ty B còn nợ VpBank số tiền nợ quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 710.565.512 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào điểm 2.3 khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 thì lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận là: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Thời điểm chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của Công ty B được xác định cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ lần 01 số SGN/21053-01 ngày 05/8/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 16,30%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 16,30\% \times = 24,45\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 81.871.019 đồng

Khế ước nhận nợ lần 02 số SGN/21053-02 ngày 13/10/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 16/5/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 16,50%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 16,50\% \times = 24,75\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 16/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 207.033.417 đồng

Khế ước nhận nợ lần 03 số SGN/21053-03 ngày 10/11/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 16,70%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 16,70\% \times = 25,05\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 29.390.719 đồng

Khế ước nhận nợ lần 04 số SGN/21053-04 ngày 14/12/2021 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 19,40%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 19,40\% \times = 29,10\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 65.124.077 đồng

Khế ước nhận nợ lần 05 số SGN/21053-05 ngày 13/5/2022 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2022, mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này là 19,40%, như vậy mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là: $150\% \times 19,40\% \times = 29,10\%/năm$. Lãi quá hạn còn nợ được VPBank xác định từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) với tổng số tiền lãi là: 327.146.280 đồng

Như vậy, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5, Công ty B còn nợ VpBank số tiền nợ quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 710.565.512 đồng

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc VPBank yêu cầu Công ty B thanh toán tiếp số tiền lãi quá hạn còn nợ 1.362.422.582 đồng là có căn cứ.

[4.2.3] Về yêu cầu trả lãi chậm trả trên lãi trong hạn:

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và các Khế ước nhận nợ lần 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên Vpbank yêu cầu Công ty B trả cho Vpbank số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 2.617.164 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 và các Khế ước nhận nợ lần 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên Vpbank yêu cầu Công ty B trả cho Vpbank số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 2.321.269 đồng

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020 và điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 thì lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả là: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả, trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Như vậy, VPBank yêu cầu Công ty B thanh toán tiếp số tiền trả lãi chậm trả trên lãi trong hạn còn nợ nêu trên là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu Công ty B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho VPBank:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số LTK/20065 ngày 07/7/2020, các bên có thỏa thuận như sau: *“Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn như quy định tại Khoản 2, Điều 3 Hợp đồng này kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.”* và điểm 3.2 khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/21053 ngày 05/8/2021 các bên có thỏa thuận như sau: *“Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn như quy định tại Điểm 2.3 khoản 2 Điều này kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.”*

Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ của bên bảo lãnh: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký trong trường hợp Công ty B không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ vào Điều 335 của Bộ luật dân sự năm 2015 về bảo lãnh quy định: *“1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; 2. Các bên có thể thỏa thuận*

về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.”

- Căn cứ Điều 336 của Bộ luật dân sự năm 2015 về phạm vi bảo lãnh như sau: *1. Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh; 2. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”*

- Căn cứ khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 về Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh như sau: *“ 1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.”*

- Căn cứ vào Hợp đồng bảo lãnh số: LTK/20065/HDBL ngày 07/7/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số: SGN/21053/HDBL.01 ngày 05/8/2021 ông Nguyễn Thanh M ký hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay của Công ty B. Theo đó, tại Điều 2 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận: *“Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này...”*

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận định việc VPBank yêu cầu ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký trong trường hợp Công ty B không thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] *Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:* Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 335, Điều 336, 342, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V(VPBank) đối với bị đơn Công ty B.

2. Buộc Công ty B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V(VPBank) số tiền là 3.689.202.828 đồng (ba tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng) đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.299.275.500 đồng, nợ lãi trọng hạn là 22.566.313 đồng, lãi quá hạn là 1.362.422.582 đồng, lãi chậm thanh toán lãi trong hạn là 4.938.433 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trong trường hợp Công ty B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng V thì ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ các khoản tiền còn nợ của Công ty B.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Công ty B phải chịu 105.784.057 (một trăm lẻ năm triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, không trăm năm mươi bảy) đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn lại cho Ngân hàng V(VPBank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 42.671.909 (Bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm linh chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0015662 ngày 17/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn